

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	1 (TN1) 0,25đ	1 (TL1a) 1đ	1 (TN5) 0,25đ	1 (TL1b) 1,0đ					60%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN2) 0,25đ	1 (TL2a) 1đ	1 (TN6) 0,25đ	1 (TL2b) 1,0đ		1 (TL3) 1đ			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN3) 0,25đ	1 (TL4a) 1,0đ	1 (TN7) 0,25đ						40%
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN4) 0,25đ		1 (TN8) 0,25đ			1 (TL4b) 1đ		1 (TL5) 1đ	
Tổng: Số câu Điểm			4 1,0đ	3 3,0đ	4 1,0đ	2 2,0đ		2 2,0đ		1 1,0đ	16 10,0đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	1(TN1) 1(TL1a)			
			Thông hiểu: – Biểu diễn được phần tử của tập hợp. – Thực hiện được các phép tính với số tự nhiên.		1(TN5) 1(TL1b)		
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.				
			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.				
			– Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.				
			– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.				
			– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).		1TN (TN11)		

			Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính.				
	Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Nhận biết: – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.	1(TN2) 1(TL2a)				
		– Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. Thông hiểu: – Thực hiện được phép chia có dư; định lí về phép chia có dư.		1(TN6) 1(TL2b)			
		Vận dụng: – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không.			1(TL3)		
		– Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.					
		– Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).					

HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1(TN3) 1(TL4a)			
			Thông hiểu: – Thực hiện tính được chu vi, diện tích hình tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.		1(TN7)		
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1(TN4)			
			Thông hiểu: – Thực hiện tính được chu vi, diện tích hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.		1(TN8)		
			Vận dụng: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.			1(TL4b)	
			Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.				1(TL5)

ĐỀ THAM KHẢO*(Đề có 04 trang)**(Không kể thời gian phát đề)*

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (2,0 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. [NB] Cho tập hợp M gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 5, trong các cách viết sau, cách viết nào là đúng?

A. $M = \{1; 2; 3; 4; 5\}$.

B. $M = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$.

C. $M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$.

D. $M = \{1; 2; 3; 4; 5; 6\}$.

Câu 2: [NB] Hợp số là:

A. Số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

B. Số tự nhiên lớn hơn 1, có hai ước.

C. Số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.

D. Số tự nhiên lớn hơn 1, có một ước.

Câu 3. [NB] Hình có 4 góc bằng nhau và 4 cạnh bằng nhau là hình gì?

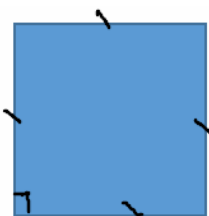
A. Hình chữ nhật

B. Hình vuông

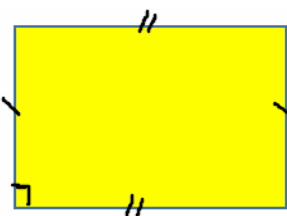
C. Hình bình hành

D. Hình thoi

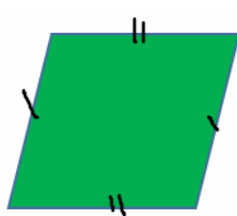
Câu 4. [NB] Trong các hình sau, hình nào là hình thoi?



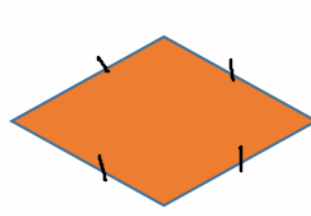
HÌNH 1



HÌNH 2



HÌNH 3



HÌNH 4

D. Hình 4.

$$D. M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$$

D. 365; 653

D. 44 m

D. 30 cm

Câu 3 (1,0 điểm) [VD] Dưới đây là bảng thống kê số lượng và đơn giá một số thiết bị nhà trường mua sắm đầu năm học. Tính tổng số tiền trường phải trả cho số hàng này (lưu ý, phải tính bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT 10% trên tổng số tiền thiết bị).

STT	Tên mặt hàng	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng/cái)
1	Ti vi	10	12 000 000
2	Máy in	5	20 000 000
3	Máy điều hòa	20	10 000 000

Câu 4. (2,0 điểm) [NB-VD] Vẽ hình và trình bày cách vẽ theo yêu cầu sau:

- a) Vẽ tam giác đều có cạnh bằng 4cm.
- b) Vẽ hình bình hành có cạnh bằng 6cm và 4cm.

Câu 5 (1,0 điểm) [VDC] Bác Hoàng Mai có miếng đất hình chữ nhật như hình bên (chiều dài 40m, chiều rộng 35m) để dùng xây dựng dự án khu thể thao gồm một hồ bơi và một sân tennis, phần đất còn lại bác xây bãi giữ xe.

- a) Tính diện tích từng mục: hồ bơi, sân tennis, bãi giữ xe.
- b) Một công ty xây dựng báo giá thi công cho bác Hoàng Mai như sau: thi công hồ bơi giá 1 triệu đồng/m², thi công sân tennis giá 1,5 triệu đồng/m², bãi giữ xe được công ty thi công miễn phí. Hỏi tổng số tiền bác Mai đầu tư xây dựng dự án khu thể thao này? Biết rằng vì trả tiền trước, bác Mai được “discount” (giảm giá) 10% trên tổng số tiền phải thanh toán.



Họ và tên thí sinh:SBD:.....Phòng thi:.....

Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm về đề.

Học sinh không được sử dụng tài liệu.

-----Hết-----

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 04 trang)

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	B	D	A	B	D	A

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
1	Câu 1. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:	
	c) $75 - 25.2 + 13$ $= 38$	1,0
	b) $16:2^2 + 5^8:5^6 + 7^0$ $= 30$	1,0
2	Câu 2. (2,0 điểm) Cho số tự nhiên $A = \overline{2x34y}$. Tìm tất cả các số A có thể có, sao cho: a) A đồng thời chia hết cho 3 và cho 5. $A : 5 \Rightarrow y = \{0; 5\} \Rightarrow A = \{2x340; 2x345\}$ Với $A = 2x340$, theo đề ta lại có: $A : 3$ $\Rightarrow 2 + x + 3 + 4 + 0 = 9 + x : 9 \Rightarrow x = \{0; 3; 6; 9\}$ $\Rightarrow A = \{20340; 23340; 26340; 29340\}$	0,5

	Với $A = 2x345$, theo đề ta lại có: $A : 3$ $\Rightarrow 2 + x + 3 + 4 + 5 = 14 + x : 9 \Rightarrow x = \{1; 4; 7\}$ $\Rightarrow A = \{21345; 24435; 27345\}$	0,5																
	b) A đồng thời chia hết cho 2 cho 3 và cho 5. $A : 2 \Rightarrow A = \{20340; 23340; 26340; 29340\}$	1,0																
3	Câu 3. (1,0 điểm) Dưới đây là bảng thống kê số lượng và đơn giá một số thiết bị nhà trường mua sắm đầu năm học. Tính tổng số tiền trường phải trả cho số hàng này (lưu ý, phải tính bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT 10% trên tổng số tiền thiết bị).	0,25đx4																
	<table><tr><th>STT</th><th>Tên mặt hàng</th><th>Số lượng (cái)</th><th>Đơn giá (đồng/cái)</th></tr><tr><td>1</td><td>Ti vi</td><td>10</td><td>12 000 000</td></tr><tr><td>2</td><td>Máy in</td><td>5</td><td>20 000 000</td></tr><tr><td>3</td><td>Máy điều hòa</td><td>20</td><td>10 000 000</td></tr></table>		STT	Tên mặt hàng	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng/cái)	1	Ti vi	10	12 000 000	2	Máy in	5	20 000 000	3	Máy điều hòa	20	10 000 000
	STT		Tên mặt hàng	Số lượng (cái)	Đơn giá (đồng/cái)													
	1		Ti vi	10	12 000 000													
	2	Máy in	5	20 000 000														
3	Máy điều hòa	20	10 000 000															
Tổng số tiền thiết bị: $10.12+5.20+20.10 = 420$ (triệu đồng)		0,5																
Tổng số tiền phải trả (gồm 10% thuế VAT): $420.110\% = 462$ (triệu đồng)		0,5																
4	Câu 4. (2,0 điểm) Vẽ hình và trình bày cách vẽ theo yêu cầu sau:																	
	a) Vẽ tam giác đều có cạnh bằng 4cm: - Vẽ đúng kích thước. - Trình bày đúng cách vẽ.	0,5 0,5																
	b) Vẽ hình bình hành có cạnh bằng 6cm và 4cm: - Vẽ đúng kích thước. - Trình bày đúng cách vẽ.	0,5 0,5																
5	Câu 5. (1,0 điểm) Bác Hoàng Mai có miếng đất hình chữ nhật như hình bên (với chiều dài 40m chiều rộng 35m) để xây dựng dự án khu thể thao gồm một hồ bơi và một sân tennis, phần diện tích đất còn lại bác xây bãi giữ xe.	0,5đx2																
	a) Tính diện tích hồ bơi, sân tennis và bãi giữ xe:	0,25 0,25																

	- Diện tích hồ bơi: $S = 25.15 = 375 \text{ (m}^2\text{)}$ - Diện tích sân tTennis: $S = 20.40 = 800 \text{ (m}^2\text{)}$ - Diện tích bãi giữ xe: $S = 1 \cdot 5.15 = 225 \text{ (m}^2\text{)}$	0,25
	b) Tổng số tiền bác Mai đầu tư xây dựng dự án khu thể thao này: $T = (375.1+800.1,5).90\%=1417,5 \text{ (triệu đồng)} = 1,4175 \text{ (tỷ đồng)}$	0,25